

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC
MHC JOINT STOCK COMPANY

Số/No.: 26/2025/MHC

V/v: "Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024
- Hợp nhất và CV giải trình"

Re: "Audited Financial Statements for 2024 –
Consolidated and Explanation Letter"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025
Hanoi, March 28, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP HCM
DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE ELECTRONIC PORTAL OF THE
STATE SECURITIES COMMISSION AND HO CHI MINH STOCK
EXCHANGE

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)
(This document can be used for simultaneous disclosure to the SSC and HOSE.)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
To: - State Securities Commission
- Ho Chi Minh Stock Exchange

Công ty: Công ty Cổ phần MHC

Company: MHC Joint Stock Company

Mã chứng khoán: MHC

Stock code: MHC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Head office address: 18th Floor, No. 52, Le Dai Hanh Street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung District,

Điện thoại/Tel. No.: 0243.5770810

Fax: 0243.5770814

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Huy Quảng

Person disclosing information: Nguyen Huy Quang

Địa chỉ: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Address: 18th Floor, No. 52, Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung District, Hanoi.

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng) / Phone (mobile, office, home): 024 35770810

Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ:

Type of disclosure: ☐ 24 hours ☐ 72 hours ☐ Unusual ☐ Upon request ☒ Periodic

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 – Hợp nhất và Công văn giải trình.



Disclosed Information: Audited Financial Statements for 2024 – Consolidated and Explanation Letter.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/03/2025 tại đường dẫn: www.mhc.vn.

This information was disclosed on the company's website on March 28, 2025, at: www.mhc.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby commit that the disclosed information is accurate and take full legal responsibility for the contents disclosed.

Tài liệu đính kèm/ Attachments:

- BCTC đã kiểm toán năm 2024 – Hợp nhất;
Audited Financial Statements for 2024 – Consolidated;
- Công văn giải trình số 14/2025/MHC.
Explanation Letter No 14/2025/MHC.

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin
Legal Representative / Authorized Person
for Information Disclosure**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, title, seal)



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Nguyễn Huy Quảng



Số: 24/2025/MHC
V/v: "Giải trình BCTC năm 2024 đã
kiểm toán - Hợp nhất"

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

**Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần MHC (Mã chứng khoán MHC) giao dịch trên Sở GDCK TP.HCM, xin được giải trình kết quả kinh doanh trên BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 như sau:

Kết quả kinh doanh Hợp nhất năm 2024:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2024:	14.288.898.450 VNĐ
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023:	131.567.449.205 VNĐ
- Lợi nhuận sau thuế năm 2024:	11.816.355.128 VNĐ
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023:	25.682.577.855 VNĐ

Giải trình kết quả kinh doanh Hợp nhất năm 2024 của Công ty (Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2024 giảm hơn 10% so với năm 2023):

Lợi nhuận sau thuế Hợp nhất năm 2024 giảm so với năm 2023 là do:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Hợp nhất năm 2024 giảm so với năm 2023. Nguyên nhân lớn làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của năm 2024 là do năm 2023 có phát sinh thêm hoạt động chuyển nhượng bất động sản đầu tư.
- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2024 giảm so với cùng kỳ năm 2023. Trong năm 2024 hoạt động đầu tư tài chính, kinh doanh chứng khoán của Công ty mẹ và Các công ty thành viên gặp nhiều khó khăn (dòng tiền đầu tư vào thị trường chứng khoán giảm, nhà đầu tư có xu hướng chuyển dịch sang các kênh đầu tư khác).

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban KS;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC



CHỦ TỊCH HĐQT
Phạm Bá Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 47

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715).

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 32 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/11/2024.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Bá Huy	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Việt Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Bá Huy	Chủ tịch HĐQT - Đại diện theo pháp luật của Công ty
Ông Nguyễn Đức Lợi	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Quảng	Kế toán trưởng

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 03/3/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã có nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐQT-MHC về việc góp vốn thành lập doanh nghiệp. Theo đó, Công ty sẽ góp 200.000.000 đồng chiếm tỷ lệ sở hữu 40% để thành lập doanh nghiệp loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên có vốn điều lệ tại thời điểm đăng ký là 500.000.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 47, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



PHẠM BÁ HUY

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025



Số: 027/2025/BCKTHN-HT.00051

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần MHC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần MHC (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con ("sau đây được gọi chung là Tập đoàn") được lập ngày 27/3/2025, từ trang 05 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn, và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



PHẠM QUANG KHẢI

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4018-2022-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Thành phố Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

HOÀNG VĂN HÙNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4302-2024-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		803.685.130.922	571.174.636.661
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	16.662.396.109	8.140.687.884
Tiền	111		16.662.396.109	7.240.687.884
Các khoản tương đương tiền	112		-	900.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	442.777.938.588	291.864.627.102
Chứng khoán kinh doanh	121		450.174.243.856	219.287.200.635
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(7.396.305.268)	(5.445.799.124)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	78.023.225.591
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		340.281.104.695	267.073.141.066
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	69.473.964.795	7.580.654.592
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	17.564.304.118	17.799.910.616
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	221.300.000.000	180.400.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	32.001.905.782	63.949.803.698
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(59.070.000)	(2.657.227.840)
Hàng tồn kho	140		-	236.311.818
Hàng tồn kho	141		-	236.311.818
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.963.691.530	3.859.868.791
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	173.571.435	185.858.874
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.650.533.696	2.520.866.659
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	1.139.586.399	1.153.143.258
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		138.462.005.286	149.505.972.134
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.327.674.234	3.327.674.234
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	3.327.674.234	3.327.674.234
Tài sản cố định	220		13.875.228.065	5.231.130.397
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	13.875.228.065	5.231.130.397
- Nguyên giá	222		30.808.047.927	21.653.894.212
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.932.819.862)	(16.422.763.815)
Bất động sản đầu tư	230	5.9	60.299.197.721	60.299.197.721
- Nguyên giá	231		60.299.197.721	60.299.197.721
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		360.000.000	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	360.000.000	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	60.599.905.266	80.599.905.266
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		599.905.266	599.905.266
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		60.000.000.000	80.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		-	48.064.516
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	48.064.516
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		942.147.136.208	720.680.608.795

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Số cuối năm	Số đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ	300		387.964.135.096	178.313.962.811
Nợ ngắn hạn	310		235.352.575.510	25.593.088.752
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	5.324.615.321	9.494.649.289
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		52.745.792	52.745.792
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.444.882.552	1.030.071.235
Phải trả người lao động	314		2.354.145.145	1.940.047.481
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	7.930.917.552	7.735.514.793
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	3.288.618.401	3.267.252.526
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	212.012.943.111	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.943.707.636	2.072.807.636
Nợ dài hạn	330		152.611.559.586	152.720.874.059
Phải trả dài hạn khác	337	5.15	108.400.028	108.400.028
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	149.479.315.068	149.479.315.067
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.17	3.023.844.490	3.133.158.964
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		554.183.001.112	542.366.645.984
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	554.183.001.112	542.366.645.984
Vốn góp của chủ sở hữu	411		434.763.180.000	414.069.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		434.763.180.000	414.069.640.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		28.614.580.000	28.614.580.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.200.000)	(1.200.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		9.344.183.063	9.344.183.063
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		77.823.398.992	86.748.367.883
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		66.054.827.883	61.142.188.950
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.768.571.109	25.606.178.933
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.638.859.057	3.591.075.038
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		942.147.136.208	720.680.608.795

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị



LÊ THỊ LAN HƯƠNG



NGUYỄN HUY QUẢNG



PHẠM BÁ HUY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	14.288.898.450	131.567.449.205
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		14.288.898.450	131.567.449.205
Giá vốn hàng bán	11	6.2	14.531.999.340	124.227.894.939
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		(243.100.890)	7.339.554.266
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	58.599.227.583	146.899.965.747
Chi phí tài chính	22	6.4	28.004.180.866	111.562.888.256
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	6.4	20.207.809.716	46.061.417.521
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	15.910.748.794	14.516.140.933
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.441.197.033	28.160.490.824
Thu nhập khác	31	6.5	271.070.144	997.282.145
Chi phí khác	32	6.6	790.262.710	1.210.778.089
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(519.192.566)	(213.495.944)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.922.004.467	27.946.994.880
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	2.166.899.297	2.529.576.656
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	(61.249.958)	(265.159.631)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		11.816.355.128	25.682.577.855
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		11.768.571.109	25.606.178.933
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		47.784.019	76.398.922
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	271	618

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị



LÊ THỊ LAN HƯƠNG



NGUYỄN HUY QUẢNG



PHẠM BÁ HUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		13.922.004.467	27.946.994.880
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.525.148.710	4.640.304.780
Các khoản dự phòng	03		(647.651.696)	(10.728.103.529)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		16.705.737	34.809.269
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(20.063.246.537)	(31.454.747.188)
Chi phí lãi vay	06		20.207.809.716	46.061.417.521
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.960.770.397	36.500.675.733
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(58.032.661.435)	4.785.520.012
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		236.311.818	(236.311.818)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(4.549.531.499)	(194.619.461)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		12.287.439	39.952.469
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh	13		(230.887.043.221)	39.609.163.343
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.833.814.111)	(64.968.788.606)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(792.640.866)	(1.925.785.732)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(129.100.000)	(178.859.693)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh	20		(298.015.421.478)	13.430.946.247
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21		(10.532.945.087)	(25.207.632.073)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		28.253.727.273	115.958.671.624
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(555.559.871.873)	(931.819.222.548)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		592.315.402.892	1.213.895.996.957
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		20.000.000.000	150.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20.047.873.387	24.480.161.681
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		94.524.186.592	397.457.975.641

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	472.649.734.943	1.524.683.235.300
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(260.636.791.832)	(1.961.036.531.263)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hđ tài chính	40		212.012.943.111	(436.353.295.963)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		8.521.708.225	(25.464.374.075)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.140.687.884	33.605.061.959
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		16.662.396.109	8.140.687.884

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị



LÊ THỊ LAN HƯƠNG



NGUYỄN HUY QUẢNG



PHẠM BÁ HUY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần MHC là loại hình công ty cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Hàng hải Hà Nội được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 056428 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/11/1998 (nay chuyển sang mã số doanh nghiệp là 0100793715).

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100793715, đăng ký thay đổi lần thứ 32 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/11/2024.

Công ty có đầu tư vào công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (Cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Tập đoàn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Những hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy, đường bộ;
- Dịch vụ giao nhận kho vận hàng hóa;
- Buôn bán xuất khẩu và nhập khẩu tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Lai dắt tàu biển, bốc xếp hàng hóa và container;
- Đại lý Hàng hải;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Khai thuê hải quan.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc tập đoàn

- a) Tại ngày 31/12/2024, Tập đoàn có 03 công ty con (tại ngày 01/01/2024: 03 công ty con)
 - Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 03 công ty
 - Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***b) Các công ty con được hợp nhất:**

Tên công ty	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng hải Hải Phòng	Tầng 6, tòa nhà Hải An, đường Đinh Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	100,00%	100,00%	Dịch vụ vận tải
Công ty Cổ phần Đầu tư MHC	Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	99,00%	99,00%	Đầu tư tài chính
Công ty Cổ phần MHC Land	Tầng 18, Số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	99,00%	99,00%	Kinh doanh bất động sản

c) Các Công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam (*)	Số 144-146 đường Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. HCM	51,00%	51,00%	Dịch vụ vận tải

(*) Công ty Cổ phần MHC sở hữu 51,00% vốn góp của Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam, tuy nhiên điều lệ của công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của công ty. Do đó, khoản đầu tư vào công ty này trên báo cáo tài chính hợp nhất được phân loại vào "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" thay vì "Đầu tư vào các công ty con".

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2024 là 37 người (tại ngày 01/01/2024 là: 36 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần MHC và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Tập đoàn. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh này tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các chứng khoán vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào được ghi nhận.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (trừ trường hợp các bên có thỏa thuận gia hạn) hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

4.5 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") là thỏa thuận của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.8 Tài sản cố định hữu hình***Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 năm
- Tài sản cố định khác 05 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.9 Bất động sản đầu tư****Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn bao gồm: quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hoặc cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để:

- Sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý;
- hoặc Bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Tập đoàn không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tập đoàn đánh giá giảm nguyên giá bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.10 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

4.11 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.12 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.13 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng. Chi phí phải trả bao gồm: lãi vay phải trả, lãi trái phiếu phát hành và các khoản chi phí phải trả khác.

4.14 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.15 Trái phiếu thường

Trái phiếu thường của Công ty là trái phiếu ngang giá được ghi nhận bằng mệnh giá trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá của trái phiếu. Định kỳ, kế toán phân bổ chi phí phát hành trái phiếu bằng cách ghi tăng giá trị mệnh giá trái phiếu và ghi nhận vào chi phí tài chính phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Lãi trái phiếu được tính định kỳ và ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.16 Vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu:** Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.**Thặng dư vốn cổ phần** được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.**Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.17 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

4.18 Doanh thu và thu nhập**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

4.19 Chi phí**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn, chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.21 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.22 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.23 Công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.766.557.682	1.433.409.523
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.895.838.427	5.807.278.361
Các khoản tương đương tiền	-	900.000.000
Cộng	16.662.396.109	8.140.687.884

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 18, số 52, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	450.174.243.856	498.700.799.750	(7.396.305.268)	219.287.200.635
+ Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	67.601.250.000	67.905.000.000	-	-
+ Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP	78.235.920.000	92.322.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (*)	263.012.775.075	300.408.649.500	-	49.711.303.013
+ Giá trị cổ phiếu khác (**)	41.324.298.781	38.065.150.250	(7.396.305.268)	169.575.897.622
Cộng	450.174.243.856	498.700.799.750	(7.396.305.268)	219.287.200.635
				280.973.561.420
				(5.445.799.124)

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HNX và HSX tại ngày 31/12/2024 và 29/12/2023 và giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố đối với cổ phiếu giao dịch trên UPCOM.

(*) Trong đó gồm 2.571.558 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (EIB) với tổng mệnh giá 25.715.580.000 đồng được sử dụng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư MHC (Công ty con) phát hành ngày 01/7/2021 với tổng mệnh giá 150 tỷ đồng.

(**) Trong đó gồm 525.200 cổ phiếu của CTCP Viglacera Hạ Long (VHL) với tổng mệnh giá 5.252.000.000 đồng được sử dụng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư MHC (Công ty con) phát hành ngày 01/7/2021 với tổng mệnh giá 150 tỷ đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	(5.445.799.124)	(5.167.262.757)
Trích lập bổ sung dự phòng trong năm	(2.351.275.910)	(3.617.599.604)
Hoàn nhập dự phòng	400.769.766	3.339.063.237
Sử dụng dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	(7.396.305.268)	(5.445.799.124)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**b.1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
+ Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam	1.734.000.000	599.905.266	1.734.000.000	599.905.266
Cộng	1.734.000.000	599.905.266	1.734.000.000	599.905.266

- Biến động các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	599.905.266	599.905.266
Thay đổi do hợp nhất	-	-
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết trong năm	-	-
Số dư cuối năm	599.905.266	599.905.266

- Thông tin về các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết của Tập đoàn tại ngày 31/12/2024 được trình bày tại Thuyết minh số 1.5.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b.2. Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
+ Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	-	(*)	10.000.000.000	-	(*)
+ Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One (R1F)	50.000.000.000	-	(*)	50.000.000.000	-	(*)
+ Quỹ Đầu tư Cổ phiếu tăng trưởng (R2F)	-	-	(*)	20.000.000.000	-	(*)
Cộng	60.000.000.000	-		80.000.000.000	-	

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

- Thông tin về các khoản đầu tư vào Đơn vị khác của Tập đoàn tại ngày 31/12/2024:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, toà nhà Hải An, Km 2 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	5,00%	5,00%	Dịch vụ vận tải
2	Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One (R1F)	Phòng 4, Lầu 9, The Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	15,625%	15,625%	Đầu tư tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Biến động các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Số dư đầu năm	-	(11.006.639.896)
Trích lập bổ sung dự phòng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	11.006.639.896
Số dư cuối năm	-	-

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

- a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
+ Công ty CP Sản xuất và Thương mại PP	1.347.590.948	2.654.619.317
+ Công ty CP Vận tải và Xếp dỡ Hải An	1.088.640.024	380.140.399
+ Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải Hà Trung	502.531.480	2.143.057.000
+ Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (*)	65.600.000.000	-
+ Các khoản phải thu khách hàng khác	935.202.343	2.402.837.876
Cộng	69.473.964.795	7.580.654.592

(*) Là khoản tiền bán chứng khoán chờ về tài khoản.

- b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Không phát sinh

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
+ Công ty Cổ phần FREELAND (*)	17.219.457.849	17.219.457.849
+ Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	344.846.269	580.452.767
Cộng	17.564.304.118	17.799.910.616

(*) Theo Hợp đồng số BT1-07/PKA2/2020/KB ký ngày 19/01/2021 giữa Công ty Cổ phần Free Land và Công ty Cổ phần MHC Land (Công ty con) để mua bán nhà ở hình thành trong tương lai thuộc Dự án Khu dân cư 125ha tại xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Dự án đã được UBND tỉnh Đồng Nai điều chỉnh thời gian thực hiện dự án kéo dài thêm 05 năm 07 tháng (từ ngày 01/01/2025) theo Quyết định số 4036/QĐ-UBND ngày 26/12/2024.

Ngày 14/02/2025, Công ty Cổ phần MHC Land (Công ty con) đã có Biên bản làm việc với Công ty Cổ phần Freeland, các bên đã thống nhất thời gian ký Phụ lục điều chỉnh hợp đồng vào cuối Quý 2 năm 2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.5. Phải thu về cho vay**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
+ Cho vay ngắn hạn cá nhân (*)	221.300.000.000	180.400.000.000
Cộng	221.300.000.000	180.400.000.000

(*) Các khoản cho vay ngắn hạn cá nhân có thời hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất từ 6%-6,5%/năm. Tài sản đảm bảo cho các khoản vay là các quyền sử dụng đất. Trong đó:

- Các khoản cho vay có gốc vay 175.500.000.000 đồng được đảm bảo bằng các quyền sử dụng đất có giá trị ước tính là 286.633.708.855 đồng;
- Các khoản cho vay có gốc vay 45.800.000.000 không có tài sản đảm bảo: đã tắt toán và thu hồi tiền cho vay sau niên độ.

Tập đoàn không có các khoản cho vay đối với các bên liên quan.

Tại thời điểm 31/12/2024, Tập đoàn không có khoản cho vay nào đang quá hạn trên 12 tháng hoặc có nguy cơ mất vốn.

5.6. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
+ Phải thu người lao động	420.397.837	-	414.397.836	-
+ Ký cược, ký quỹ (i)	30.696.582.044	-	30.806.582.044	-
+ Lãi tiền gửi, tiền cho vay	329.337.258	-	401.753.424	-
+ Phải thu tiền hợp tác kinh doanh (ii)	-	-	27.981.000.000	-
+ Công ty TNHH MTV Hàng hải Hà Nội Phía Nam	-	-	1.330.893.473	(1.330.893.473)
+ Các khoản chi hộ	462.433.550	-	2.845.757.753	(312.424.867)
+ Phải thu khác	93.155.093	-	169.419.168	-
Cộng	32.001.905.782	-	63.949.803.698	(1.643.318.340)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ (iii)	3.327.674.234	-	3.327.674.234	-
Cộng	3.327.674.234	-	3.327.674.234	-

i. Trong đó bao gồm tiền đặt cọc mua các bất động sản thuộc dự án Aqua Riverside City ký với Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Nova với số tiền 30.692.582.044 đồng. Theo Văn bản thoả thuận và các phụ lục văn bản thoả thuận đã được các bên ký kết, thời gian dự kiến ký hợp đồng mua bán là 15/7/2025 và thời gian dự kiến bàn giao bất động sản là vào tháng 9 năm 2026.

ii. Khoản phải thu về hợp tác kinh doanh đã được thu hồi bằng tiền trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- iii. Trong đó bao gồm tiền đặt cọc mua bất động sản thuộc dự án Tổ hợp khu du lịch thung lũng Đại Dương ký với Công ty Cổ phần Novareal với số tiền 2.769.036.239 đồng. Theo Văn bản thoả thuận và các phụ lục văn bản thoả thuận đã được các bên ký kết, thời gian dự kiến ký hợp đồng mua bán là tháng 6 năm 2024 và thời gian dự kiến bàn giao bất động sản là vào tháng 9 năm 2026.

5.7. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
+ Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội Phía Nam (SHMC)		-	-	Trên 3 năm	1.330.893.473	-
+ Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức		-	-	Trên 3 năm	312.424.867	-
+ CN Công ty CP vận tải dầu khí Việt Nam tại HP (Falcon HPG)		-	-	Trên 3 năm	379.608.500	-
+ Công ty CP SX kính Quảng Ninh		-	-	Trên 3 năm	157.200.000	-
+ Công ty TNHH Đầu tư TM và dịch vụ Ngọc Vy		-	-	Trên 3 năm	144.980.000	-
+ Các khoản nợ xấu và nợ khó đòi khác	Trên 3 năm	59.070.000	-	Trên 3 năm	332.121.000	-
Cộng		59.070.000	-		2.657.227.840	-

(*) Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	(2.657.227.840)	(2.657.227.840)
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Trích lập bổ sung dự phòng trong năm	-	-
Sử dụng dự phòng trong năm	2.598.157.840	-
Số dư cuối năm	59.070.000	(2.657.227.840)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	20.875.181.051	310.165.599	468.547.562	21.653.894.212
Mua trong năm	10.172.945.087	-	-	10.172.945.087
Thanh lý, nhượng bán	984.216.364	34.575.008	-	1.018.791.372
Số dư cuối năm	30.063.909.774	275.590.591	468.547.562	30.808.047.927
Giá trị đã hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	15.977.745.749	229.993.119	215.024.947	16.422.763.815
Khấu hao trong năm	1.397.717.698	33.721.500	93.709.512	1.525.148.710
Thanh lý, nhượng bán	980.517.655	34.575.008	-	1.015.092.663
Số dư cuối năm	16.394.945.792	229.139.611	308.734.459	16.932.819.862
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	4.897.435.302	80.172.480	253.522.615	5.231.130.397
Tại ngày cuối năm	13.668.963.982	46.450.980	159.813.103	13.875.228.065

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 11.006.902.868 đồng
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không phát sinh
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có

5.9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá	60.299.197.721	-	-	60.299.197.721
- Nhà và quyền sử dụng đất (*)	56.882.197.721	-	-	56.882.197.721
- Quyền sử dụng đất	3.417.000.000	-	-	3.417.000.000
Giá trị HMLK	-	-	-	-
- Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	60.299.197.721	-	-	60.299.197.721
- Nhà và quyền sử dụng đất	56.882.197.721	-	-	56.882.197.721
- Quyền sử dụng đất	3.417.000.000	-	-	3.417.000.000

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 đồng;
- Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án Khu đô thị Sinh thái	360.000.000	-
Cộng	360.000.000	-

5.11. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	26.742.283	33.407.384
Các khoản khác	146.829.152	152.451.490
Cộng	173.571.435	185.858.874

5.12. Phải trả người bán**Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị nợ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị nợ	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
+ Công ty CP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	988.817.357	988.817.357	988.817.357	988.817.357
+ Công ty CP TM Dầu Khí Cửu Long	405.150.000	405.150.000	405.150.000	405.150.000
+ Chi Nhánh Cty CP Xăng dầu chất đốt Hà Nội tại Hải Phòng	372.943.762	372.943.762	684.930.320	684.930.320
+ Công ty CP Thương Mại và dịch vụ vận tải Hà Trung	-	-	2.489.855.319	2.489.855.319
+ Phải trả cho các đối tượng khác	3.557.704.202	3.557.704.202	4.925.896.293	4.925.896.293
Cộng	5.324.615.321	5.324.615.321	9.494.649.289	9.494.649.289

Tập đoàn không có khoản phải trả người bán là bên liên quan tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2023.

Tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2023, Tập đoàn không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước****Phải nộp**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	119.123.961	232.939.745	221.122.404	130.941.302
Thuế thu nhập doanh nghiệp	792.640.866	2.166.899.297	792.640.866	2.166.899.297
Thuế thu nhập cá nhân	118.306.408	552.237.839	523.502.294	147.041.953
Các loại thuế khác	-	12.000.000	12.000.000	-
Cộng	1.030.071.235	2.964.076.881	1.549.265.564	2.444.882.552

Phải thu

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	574.072.153	-	-	574.072.153
Thuế thu nhập doanh nghiệp	477.106.047	-	-	477.106.047
Thuế thu nhập cá nhân	101.965.058	57.954.380	44.397.521	88.408.199
Cộng	1.153.143.258	57.954.380	44.397.521	1.139.586.399

5.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	7.397.028.991	7.107.945.206
Các khoản trích trước khác	533.888.561	627.569.587
Cộng	7.930.917.552	7.735.514.793

5.15. Phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
+ Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	215.457.662	187.103.979
+ Công ty CP Quản lý và Kinh doanh BĐS Hà Nội	1.503.000.000	1.503.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận phải trả (*)	1.102.828.650	1.102.828.650
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	467.332.089	474.319.897
Cộng	3.288.618.401	3.267.252.526
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
b) Dài hạn		
+ Nhận ký cược, ký quỹ	108.400.028	108.400.028
Cộng	108.400.028	108.400.028

(*) Cổ tức của các cổ đông chưa đến làm thủ tục nhận cổ tức.

Tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2023, Tập đoàn không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.16. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
a)						
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
- Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX (*)	137.595.235.814	137.595.235.814	283.938.771.030	146.343.535.216	-	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (*)	74.417.707.297	74.417.707.297	188.710.963.913	114.293.256.616	-	-
Cộng	212.012.943.111	212.012.943.111	472.649.734.943	260.636.791.832	-	-
b)						
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
- Vay dài hạn						
- Trái phiếu phát hành (**)	149.479.315.068	149.479.315.068	1.050.000.001	1.050.000.000	-	-
+ Mệnh giá Trái phiếu (**)	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	149.479.315.067	149.479.315.067
+ Chi phí phát hành Trái phiếu	(520.684.932)	(520.684.932)	1.050.000.001	1.050.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
Cộng	149.479.315.068	149.479.315.068	1.050.000.001	1.050.000.000	(520.684.933)	(520.684.933)
					149.479.315.067	149.479.315.067

(*) Là các khoản vay ký quỹ giao dịch chứng khoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***(**) Trái phiếu phát hành**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị VND	Lãi suất Năm	Kỳ hạn	Giá trị VND	Lãi suất Năm	Kỳ hạn
Loại phát hành theo mệnh giá (i)	149.479.315.068	9,4%/năm	05 năm	149.479.315.067	9,4%/năm	05 năm
Cộng	149.479.315.068			149.479.315.067		

(i) Thông tin chi tiết trái phiếu:

- Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư MHC
- Loại trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo.
- Giá trị trái phiếu:

	Giá trị (VND)
Tổng mệnh giá	300.000.000.000
Mua lại trước hạn trong năm	(150.000.000.000)
Chi phí phát hành trái phiếu	(520.684.932)
Trị giá trái phiếu	149.479.315.068

- Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000 trái phiếu;
- Lãi suất: 9,4%/năm cố định cho tất cả các kỳ
- Ngày phát hành: 01/7/2021;
- Ngày đáo hạn: 01/7/2026.

Số lượng Trái phiếu còn lại đã được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 27/10/2023 với mã Trái phiếu giao dịch là MIV12101.

5.17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	48.064.516
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Cộng	-	48.064.516

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3.023.844.490	3.133.158.964
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Cộng	3.023.844.490	3.133.158.964

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	414.069.640.000	28.614.580.000	(1.200.000)	9.344.183.063	61.923.150.392	3.522.564.616	517.472.918.071
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	25.606.178.933	76.398.922	25.682.577.855
Giảm khác	-	-	-	-	(780.961.442)	(7.888.500)	(788.849.942)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	414.069.640.000	28.614.580.000	(1.200.000)	9.344.183.063	86.748.367.883	3.591.075.038	542.366.645.984
Tăng vốn trong năm	20.693.540.000	-	-	-	-	-	20.693.540.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	11.768.571.109	47.784.019	11.816.355.128
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	(20.693.540.000)	-	(20.693.540.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	434.763.180.000	28.614.580.000	(1.200.000)	9.344.183.063	77.823.398.992	3.638.859.057	554.183.001.112

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

a) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	434.763.180.000	414.069.640.000
Cộng	434.763.180.000	414.069.640.000

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	414.069.640.000	414.069.640.000
+ Vốn góp đầu năm	414.069.640.000	414.069.640.000
+ Vốn góp tăng trong năm (*)	20.693.540.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	434.763.180.000	414.069.640.000

(*) Thực hiện theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 12/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MHC ngày 20/6/2024 theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 5%. Số lượng cổ phiếu đã phát hành là 2.070.342 cổ phiếu tương đương 20.703.420.000 đồng, tỷ lệ thực hiện là 20:1, nguồn vốn phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc quyền sở hữu của cổ đông công ty mẹ trên báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023.

c) Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.476.318	41.406.964
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.476.318	41.406.964
+ Cổ phiếu phổ thông	43.476.318	41.406.964
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	120	120
+ Cổ phiếu phổ thông	120	120
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.476.198	41.406.844
+ Cổ phiếu phổ thông	43.476.198	41.406.844
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***d) Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo theo nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 12/2024/NQ-ĐHĐCĐ-MHC ngày 20/6/2024 theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 5%.

5.19. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất**a) Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Ngoại tệ	Tương đương VND	Ngoại tệ	Tương đương VND
USD	-	-	3,85	57.230

b) Nợ khó đòi đã xử lý

Tên Công ty	Nguyên nhân	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Năm xóa sổ	Giá trị VND	Năm xóa sổ	Giá trị VND
+	Công ty TNHH Thương mại Đông Phong	Nợ lâu ngày	2024	23.800.000	-
+	Công ty TNHH MTV Vận tải Quốc Huy	Nợ lâu ngày	2024	125.851.000	-
+	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Ngọc Vy	Nợ lâu ngày	2024	144.980.000	-
+	Công ty CP SX Kinh Quảng Ninh	Nợ lâu ngày	2024	157.200.000	-
+	Công ty CP Hạ Long Connection	Nợ lâu ngày	2024	500.000	-
+	Công ty Vi Hoàng (Quảng Ninh)	Nợ lâu ngày	2024	50.900.000	-
+	Công ty TNHH Tùng Giang	Nợ lâu ngày	2024	72.000.000	-
+	Cn Cty CP Vận tải Dầu khí Việt Nam tại HP (Falcon HPG)	Nợ lâu ngày	2024	379.608.500	-
+	Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	Nợ lâu ngày	2024	312.424.867	-
+	Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội Phía Nam (SHMC)	Nợ lâu ngày	2024	1.330.893.473	-
+	Công ty TNHH Vận tải Sông Đào	Nợ lâu ngày	2018	328.000.000	2018 328.000.000
+	Công ty TNHH TM DV Phong Châu	Nợ lâu ngày	2018	84.000.000	2018 84.000.000
+	Công ty XD Công trình Đường thủy II	Nợ lâu ngày	2018	45.000.000	2018 45.000.000
+	ACHIEVER	Nợ lâu ngày	2018	447.223.065	2018 447.223.065
+	Công ty GNVТ Quyết Tiến	Nợ lâu ngày	2018	238.100.000	2018 238.100.000
+	Công ty TNHH HH Wallem VN	Nợ lâu ngày	2018	218.016.797	2018 218.016.797
+	Công ty TNHH VTH Công nghệ cao	Nợ lâu ngày	2018	110.000.000	2018 110.000.000
+	OCEAN PARK	Nợ lâu ngày	2018	2.356.396	2018 2.356.396
+	Bransford International Ltd	Nợ lâu ngày	2013	1.510.085.635	2013 1.510.085.635
+	Far Shipping Lines Pte Ltd	Nợ lâu ngày	2013	832.800.000	2013 832.800.000
+	Công ty Obayashi Việt Nam	Nợ lâu ngày	2013	671.955.900	2013 671.955.900
+	Công ty TNHH Đèn hình Orion Hanel	Doanh nghiệp phá sản	2012	1.007.000.000	2012 1.007.000.000
+	Tổng Công ty Xây dựng số 1	Nợ lâu ngày	2012	353.441.000	2012 353.441.000
+	Bùi Tiến Học	Nợ lâu ngày	2020	25.500.000	2020 25.500.000
+	Các khoản công nợ nó đòi khác	Nợ lâu ngày	2012	1.406.380.106	2012 1.406.380.106
Cộng			9.878.016.739		7.279.858.899

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.5. Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	270.028.564	27.272.727
Tiền phạt thu được	-	970.000.000
Các khoản khác	1.041.580	9.418
Cộng	271.070.144	997.282.145

6.6. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	693.326.516
Chi ủng hộ	789.439.688	-
Các khoản bị phạt	732.852	510.917.733
Các khoản khác	90.170	6.533.840
Cộng	790.262.710	1.210.778.089

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.583.835.906	7.724.581.258
Chi phí đồ dùng văn phòng	204.293.335	634.206.209
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.233.889.630	1.782.982.440
Thuế, phí và lệ phí	12.000.000	15.003.264
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.815.375.272	2.914.228.471
Chi phí bằng tiền khác	1.556.527.777	1.445.139.291
Xoá nợ phải thu khó đòi	504.826.874	-
Cộng	15.910.748.794	14.516.140.933

6.8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.714.786.860	4.522.272.401
Chi phí nhân công	12.933.908.006	10.521.933.104
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.525.148.710	4.640.304.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.079.155.039	116.890.676.296
Chi phí khác bằng tiền	1.970.502.627	1.625.347.291
Cộng	29.223.501.242	138.200.533.872

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(i)	2.166.899.297	2.529.576.656
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		2.166.899.297	2.529.576.656
(i) Chi tiết chi phí thuế TNDN hiện hành		Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh		2.166.899.297	1.362.026.445
Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng bất động sản		-	1.167.550.211
Thuế TNDN phải trả hiện hành		2.166.899.297	2.529.576.656

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế			(48.064.516)
+ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		48.064.516	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		-	-
+ Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(109.314.474)	(217.095.115)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại		(61.249.958)	(265.159.631)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6.11. Lãi trên cổ phiếu**

	Đơn vị tính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	11.768.571.109	25.606.178.932
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	11.768.571.109	25.606.178.932
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm	Cổ phần	43.476.198	41.406.844
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/Cổ phần	271	618

Tại ngày 31/12/2024, Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	472.649.734.943	1.524.683.235.300
Cộng	472.649.734.943	1.524.683.235.300

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	-	76.311.785.727
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	350.000.000.000
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	260.636.791.832	1.534.724.745.536
Cộng	260.636.791.832	1.961.036.531.263

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**8.1 Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng****Cam kết bảo lãnh**

Tại ngày 31/12/2024, số lượng cổ phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư MHC (Công ty con) nắm giữ đã được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư MHC phát hành ngày 01/7/2021 với tổng mệnh giá còn lại 150 tỷ đồng như sau: 525.200 cổ phiếu của CTCP Viglacera Hạ Long (VHL) với tổng mệnh giá 5.252.000.000 đồng và 2.571.558 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam với tổng mệnh giá 25.715.580.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***8.2 Thông tin về các bên liên quan****Thông tin về các bên liên quan**

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Hàng hải Wallem Việt Nam	Công ty liên doanh liên kết
2	Quỹ Đầu tư Hạ tầng Red One (R1F)	Đầu tư khác, có cùng chủ tịch
3	Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Quản lý chủ chốt của Công ty

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Phạm Bá Huy	Chủ tịch HĐQT	1.727.698.000	1.688.730.000
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	505.497.500	156.146.667
Bà Nguyễn Thị Thuý Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	-	310.780.833
Ông Lê Việt Dũng	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Tú Uyên	Trưởng Ban KS	108.000.000	82.333.333
Bà Nguyễn Thuý Nga	Thành viên Ban KS	24.000.000	24.266.667
Bà Trần Thị Nhiên	Thành viên Ban KS	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Huy Quảng	Kế toán trưởng	958.361.600	930.856.000
		3.443.557.100	3.313.113.500

Ngoài ra, Ông Phạm Bá Huy đã sử dụng 1.050.000 Cổ phần phổ thông thuộc sở hữu cá nhân do Công ty Cổ phần MHC phát hành để làm cổ phiếu bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư MHC phát hành ngày 01/7/2021 có tổng mệnh giá còn lại 150 tỷ đồng.

Ông Nguyễn Huy Quảng đã sử dụng 300.000 Cổ phần phổ thông thuộc sở hữu cá nhân do CTCP Viglacera Tiên Sơn phát hành và 500.000 Cổ phần do CTCP Điện lực Gelex phát hành để làm cổ phiếu bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư MHC phát hành ngày 01/7/2021 có tổng mệnh giá còn lại 150 tỷ đồng.

Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan: Không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***8.3 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý.

Các khoản mục không được phân chia bao gồm: tài sản và nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

a) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024:

Khoản mục	Hoạt động đầu tư	Hoạt động kinh doanh BĐS	Hoạt động vận tải	Hoạt động không phân bổ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần của bộ phận	58.599.227.583	-	11.043.675.550		69.642.903.133
Chi phí của bộ phận	39.469.358.942	-	11.581.678.220		51.051.037.162
Kết quả kinh doanh của bộ phận	19.129.868.641	-	(538.002.670)		18.591.865.971
Doanh thu không phân bổ				3.245.222.900	3.245.222.900
Chi phí không phân bổ				7.395.891.838	7.395.891.838
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					14.441.197.033
Thu nhập khác					271.070.144
Chi phí khác					790.262.710
Chi phí thuế TNDN					2.166.899.297
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					(61.249.958)
Lợi nhuận sau thuế TNDN					11.816.355.128

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Kết quả hoạt động kinh doanh phân chia theo bộ phận của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023:

Khoản mục	Hoạt động đầu tư	Hoạt động kinh doanh BĐS	Hoạt động vận tải	Hoạt động không phân bổ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần của bộ phận	146.899.965.747	113.799.977.030	15.305.963.575		276.005.906.352
Chi phí của bộ phận	122.747.119.714	107.097.584.893	15.019.359.741		244.864.064.348
Kết quả kinh doanh của bộ phận	24.152.846.033	6.702.392.137	286.603.834		31.141.842.004
Doanh thu không phân bổ				2.461.508.600	2.461.508.600
Chi phí không phân bổ				5.442.859.780	5.442.859.780
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					28.160.490.824
Thu nhập khác				997.282.145	997.282.145
Chi phí khác				1.210.778.089	1.210.778.089
Chi phí thuế TNDN				2.529.576.656	2.529.576.656
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(265.159.631)	(265.159.631)
Lợi nhuận sau thuế TNDN					25.682.577.855

c) Tài sản và nợ phải trả phân chia theo bộ phận tại ngày 31/12/2024:

Khoản mục	Hoạt động đầu tư	Hoạt động kinh doanh BĐS	Hoạt động không phân bổ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	725.780.672.504			725.780.672.504
Tài sản không phân bổ			216.366.463.704	216.366.463.704
Tổng tài sản				942.147.136.208
Nợ phải trả bộ phận	368.889.287.170			368.889.287.170
Nợ phải trả không phân bổ			19.074.847.926	19.074.847.926
Tổng nợ phải trả				387.964.135.096

d) Tài sản và nợ phải trả phân chia theo bộ phận tại ngày 01/01/2024:

Khoản mục	Hoạt động đầu tư	Hoạt động kinh doanh BĐS	Hoạt động không phân bổ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	553.967.361.018			553.967.361.018
Tài sản không phân bổ			166.713.247.777	166.713.247.777
Tổng tài sản				720.680.608.795
Nợ phải trả bộ phận	156.587.260.273			156.587.260.273
Nợ phải trả không phân bổ			21.726.702.538	21.726.702.538
Tổng nợ phải trả				178.313.962.811

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***8.4 Quản lý rủi ro tài chính**

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết như nhận diện rủi ro và đo lường rủi ro, chiến lược đầu tư và giới hạn đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám đốc xem xét.

Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Tổng Giám đốc:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá cổ phiếu.

Tập đoàn quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Tập đoàn, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định, và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Tập đoàn có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Tập đoàn mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay của Tập đoàn đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Tập đoàn không chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ cao hơn/thấp hơn 528.369.387 đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: cao hơn/thấp hơn 719.523.999 đồng tương ứng).

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Tập đoàn phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Tập đoàn. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác, chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền		
(Thuyết minh 5.1)	14.895.838.427	6.707.278.361
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.895.838.427	5.807.278.361
Các khoản tương đương tiền	-	900.000.000
Các khoản cho vay	221.300.000.000	180.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	119.040.174.695	89.330.368.906
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (*)	69.473.964.795	7.580.654.592
Trả trước cho người bán ngắn hạn (*)	17.564.304.118	17.799.910.616
Phải thu ngắn hạn khác (*)	32.001.905.782	63.949.803.698
Các khoản phải thu dài hạn	3.327.674.234	3.327.674.234
Ký cược kỳ quỹ	3.327.674.234	3.327.674.234
Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng	358.563.687.356	279.765.321.501

(*) Số liệu trước dự phòng

Tiền gửi ngân hàng và công ty tài chính

Số dư với ngân hàng và công ty tài chính bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền trong tài khoản chứng khoán và lãi dự thu.

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có số dư nào với ngân hàng và công ty tài chính nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

Cho vay

Tập đoàn có cho các cá nhân vay tiền đối với tiền nhàn rỗi, có tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay là thấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ngày báo cáo như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Quá hạn và suy giảm giá trị	-	-
Quá hạn nhưng không suy giảm giá trị	-	-
Chưa quá hạn và không suy giảm giá trị	221.300.000.000	180.400.000.000
Dự phòng đã lập	-	-
Giá trị thuần	221.300.000.000	180.400.000.000

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Các tài sản của Tập đoàn được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản nợ được trình bày tại Thuyết minh 5.2.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Các khoản vay	212.012.943.111	149.479.315.068	361.492.258.179
Phải trả người bán	5.324.615.321	-	5.324.615.321
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	15.855.851.780	108.400.028	15.964.251.808
Cộng	233.193.410.212	149.587.715.096	382.781.125.308
Ngày 01 tháng 01 năm 2024			
Các khoản vay	-	149.479.315.067	149.479.315.067
Phải trả người bán	9.494.649.289	-	9.494.649.289
Chi phí phải trả và các khoản phải trả khác	13.838.527.848	108.400.028	13.946.927.876
Cộng	23.333.177.137	149.587.715.095	172.920.892.232

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Tài sản đảm bảo**

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024:

- Tập đoàn có thể chấp một số chứng khoán kinh doanh của mình để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi trái phiếu do Công ty Cổ phần Đầu tư MHC (Công ty con) phát hành ngày 01/7/2021 với tổng mệnh giá 150 tỷ đồng. Xem thuyết minh 5.2; và
- Tập đoàn đang nhận tài sản đảm bảo cho các khoản cho vay là các Quyền sử dụng đất.

iv. Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Tổng Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 03/3/2025, Hội đồng quản trị Công ty đã có nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐQT-MHC về việc góp vốn thành lập doanh nghiệp. Theo đó, Công ty Cổ phần MHC sẽ góp 200.000.000 đồng chiếm tỷ lệ sở hữu 40% để thành lập doanh nghiệp loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên có vốn điều lệ tại thời điểm đăng ký là 500.000.000 đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

8.6 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tập đoàn đã được kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị



LÊ THỊ LAN HƯƠNG



NGUYỄN HUY QUẢNG



CÔNG TY
CỔ PHẦN
MHC

PHẠM BÁ HUY